

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2012 để trả nợ tạm ứng tồn ngân
Kho bạc Nhà nước (để quyết toán bổ sung năm 2012)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển ngân sách Nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 96/TTr-SKHĐT ngày 12/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết 100.000 triệu đồng vốn năm 2012 để trả nợ tạm ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước từ các nguồn vốn như sau:

- Nguồn ngân sách tỉnh năm 2012: 25.000 triệu đồng.
- Nguồn cấp quyền sử dụng đất năm 2012: 75.000 triệu đồng.

(Chi tiết như phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, đơn vị trực thuộc tỉnh và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Zm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K1, K17. *Kb me*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Lộc



PHỤ LỤC

HOẠCH VỐN NĂM 2012 HOÀN TRẢ TẠM ỨNG TỒN NGÂN KBNN

Kèm theo Quyết định số **2507/QĐ-UBND** ngày 18/9/2013 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Đanh mục	KH vốn hoàn trả tạm ứng		
		Tổng	Trong đó:	
			Nguồn ngân sách tỉnh tập trung	Nguồn cấp quyền sử dụng đất
	Tổng cộng	100.000.000.000	25.000.000.000	75.000.000.000
A	Ban QLDA Khu Kinh tế Tỉnh	87.120.339.000	25.000.000.000	71.885.093.000
1	Đường dẫn ra cảng tổng hợp KKT	400.643.000	400.643.000	
2	Bồi thường GPMB Khu kinh tế	18.503.411.000	18.503.411.000	
3	Khu neo đậu tàu thuyền TĐC Nhơn Phước	4.630.303.000	4.630.303.000	
4	Khu cải táng Cát Nhơn - Cát Hưng	480.204.000	480.204.000	
5	Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội	8.000.000.000	985.439.000	7.014.561.000
6	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Nhơn Phước (giai đoạn 1)	11.303.246.000		11.303.246.000
7	HTKT Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân (giai đoạn 2,3) thành phố	90.581.000		90.581.000
8	Đầu tư xây dựng KCN Long Mỹ GĐ1	4.440.804.000		4.440.804.000
9	ĐT XD và KD kết cấu HT KCN Phú Tài 2,3	5.781.889.000		5.781.889.000
10	Khu tái định cư Nhơn Phước giai đoạn 2 và phần mở rộng về phía Bắc 15 ha	30.731.757.000		30.731.757.000
11	Trồng rừng phòng hộ và cảnh quan trọng Khu kinh tế Nhơn Hội	2.757.501.000		2.757.501.000
12	Mương thoát nước mưa phía Bắc khu TĐC phường Trần Quang Diệu			718.512.000
13	Khu TĐC phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn - Hạng mục Đường giao thông nội bộ (Đường 1 và 3 Khu TĐC đợt 2 và Đường số 9A-Khu TĐC đợt 3 khu A)			365.673.000
14	Sửa chữa hệ thống HTKT Khu quy hoạch TĐC E655 phường Bùi Thị Xuân			1.600.997.000
15	Sửa chữa nâng cấp một số hạng mục Khu TĐC 3 ha, phường Bùi Thị Xuân (hệ thống thoát nước, hệ thống đường nội bộ)			329.572.000
16	Khu Tái định cư Cát tiến(Khu mới)			2.750.000.000
17	Khu trung tâm khu khu Kinh tế Nhơn Hội			4.000.000.000
B	BQL CT giao thông Bình Định	3.114.907.000	0	3114907000
1	HTKT bắc sông Hà Thanh (Giai đoạn 1)	2.500.000.000		2.500.000.000
2	HTKT bắc sông Hà Thanh (Giai đoạn 2)	614.907.000		614.907.000